TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 176/2017/DSPT.
Ngày 24 – 11 – 2017.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Văn Hùng

- *Các Thẩm phán*: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

2/ Ông Nguyễn Văn Hải

***- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Phan Nguyễn Minh Trí, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Kim Ngữ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp Đòi lại tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2017/QĐPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Kỳ Việt, Văn phòng Luật sư Việt - Chương, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: 2.1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1968

2.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969

2.3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NLQ1
2. Ông NLQ2
3. Ông NLQ3
4. NLQ4
5. NLQ5

6. NLQ6

Cùng địa chỉ: đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông NLQ2 và ông NLQ3 ủy quyền cho bà Trần Thị H theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2013.

7. Ông NLQ7

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

8. Bà NLQ8

9. Bà NLQ9

10. Bà NLQ10

11. Ông NLQ11

12. Bà NLQ12

Cùng địa chỉ: đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà NLQ10, bà NLQ12 và ông NLQ11 cùng ủy quyền cho bà NLQ9 theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 4 năm 2016.

13. NLQ13

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hoàng L, sinh năm 1992 *(Giấy ủy quyền ngày 06/12/2016).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị Ngọc H trình bày và yêu cầu:

Cha bà Trần Thị Ngọc H là ông Trần Văn C (chết năm 2003), mẹ bà Trần Thị Ngọc H là bà Trần Thị T (chết năm 1989). Trước khi chết, cha bà Trần Thị Ngọc H có làm di chúc để lại căn nhà số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho anh bà là ông Trần Văn P. Tháng 7 năm 2005, ông Trần Văn P và vợ là bà NLQ1 đã làm thủ tục chuyển toàn bộ nhà và đất cho bà Trần Thị Ngọc H đứng tên quyền sở hữu. Sau khi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Trần Thị Ngọc H vẫn để các bị đơn ở tại căn nhà số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Hiện nay, anh em sống chung trong nhà phát sinh mâu thuẫn, không điều kiện phát triển kinh tế. Đồng thời, do có nhu cầu sử dụng căn nhà nói trên nên bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu gia đình ông Trần Văn P, gia đình bà Trần Thị H, gia đình bà Trần Thị L di dời đi nơi khác trả lại căn nhà và đất tại số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho bà Trần Thị Ngọc H toàn quyền định đoạt. Bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện hỗ trợ cho ông Trần Văn P, bà NLQ1

50.000.000 đồng, bà Trần Thị L 50.000.000 đồng, bà Trần Thị H 50.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Ngọc H thống nhất trả cho bà NLQ1 số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng), không đồng ý trả cho bà Trần Thị H 40.000.000 đồng vì bà Trần Thị Ngọc H cho rằng không có mượn tiền của bà Trần Thị H.

Bị đơn ông Trần Văn P trình bày: Ông Trần Văn P xác định, cha ông là ông Trần Văn C và mẹ ông là bà Lâm Thị M có 09 người con chung gồm: Ông NLQ7, bà Trần Thị Th, Trần Thị Ch, ông Trần Văn H, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Trần Thị H, Trần Thị L.

Sau khi mẹ ông là bà Lâm Thị M chết thì ông Trần Văn C chung sống với bà Trần Thị T có thêm một người con là bà Trần Thị Ngọc H.

Năm năm 1989 bà Trần Thị T chết và đến năm 2004 thì ông Trần Văn C chết. Trước khi chết, ông Trần Văn C có làm di chúc để lại phần di sản là phần nhà và đất cho ông. Phần nhà và đất là của ông Trần Văn C và bà Trần Thị T mua lại từ bà Nguyễn Ngọc Th.

Qua đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H về việc yêu cầu trả nhà số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Ông không đồng ý vì: nguyên đơn hiện còn thiếu nợ gia đình ông 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng) từ năm 2011, năm 2012 đến nay chưa trả xong. Việc tặng cho bà Trần Thị Ngọc H toàn bộ phần thừa kế của ông được hưởng theo di chúc của ông Trần Văn C là hoàn toàn không có thực, hoàn toàn bất hợp lý vì việc ông tặng cho bà Trần Thị Ngọc H là nhằm làm Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mà thôi. Nay nguyên đơn lợi dụng việc có Giấy tặng cho của ông để nguyên đơn đứng tên nhà và đòi nhận toàn bộ căn nhà là vô cùng bất hợp lý vì bà Trần Thị Ngọc H chỉ có 06 phần (trong phần thừa kế của bà Trần Thị T) nghĩa là chỉ có 3/10 căn nhà, vì vậy không có lý do gì ông làm Giấy tặng cho phần thừa kế của ông (7/10 căn nhà) cho nguyên đơn mà không có bất cứ quyền lợi nào từ bà Trần Thị Ngọc H giao lại. Ông yêu cầu giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T vì chưa giải quyết xong việc phân chia di sản của bà Trần Thị T sau khi bà Trần Thị T chết.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì do bà Trần Thị Ngọc H sống chung trong gia đình với anh em không thuận thảo nên bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu trả nhà cho bà Trần Thị Ngọc H, điều này sai. Bởi vì, năm 1994 nguyên đơn lập gia đình theo chồng về Thành phố Hồ Chí Minh sống.

Ông yêu cầu Tòa án xem xét phân chia theo các phần thừa kế trong đó có 04 phần (Phát, Phát, Hiệp, Lợi) tương đương 2/10 giá trị căn nhà, đất và 3/10 giá trị căn nhà, đất thuộc sở hữu của bà Trần Thị Ngọc H theo thỏa thuận của các bên trong phần di sản 50% của bà Trần Thị T, phần còn lại là 1/2 giá trị căn nhà, đất là của gia đình ông theo di chúc của ông Trần Văn C. Theo nội dung phản tố thì ông Trần Văn P đề nghị xác định giá trị căn nhà là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo thỏa thuận giữa các anh em. Sau khi trừ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) phần của ông Trần Văn C thì phần của bà Trần Thị T là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) chia thành 10 phần (mỗi phần 50.000.000 đồng), trong đó có 5 phần của các con riêng của bà Trần Thị T là bà NLQ8, bà NLQ9, bà NLQ10, bà NLQ12, ông NLQ11, 05 phần còn lại thì ông Trần Văn C được 01 phần, ông Trần Văn P 01 phần, bà Trần Thị H 01 phần, bà Trần Thị L 01 phần, bà Trần Thị Ngọc H 01 phần. Bà Trần Thị Ngọc H đã trả xong cho 05 người con riêng của bà Trần Thị T nên bà Trần Thị Ngọc H sẽ nhận 05 phần này cùng 01 phần của bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Văn P 02 phần (có 01 phần của ông Trần Văn C), bà Trần Thị H 01 phần, bà Trần Thị L 01 phần.

Bị đơn Trần Thị H: Thống nhất với phần trình bày của ông Trần Văn P, bà Trần Thị H yêu cầu chia phần di sản thừa kế của bà Trần Thị T như ông Trần Văn P đã trình bày. Bà Trần Thị H biết việc ông Trần Văn C để để lại nhà và đất cho ông Trần Văn P nhưng không ý kiến gì.Vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc H phải trả số tiền 40.000.000 đồng đã vay của bà Trần Thị H. Khi giao tiền cho nguyên đơn vì là chỗ chị em nên không có làm giấy tờ, bà Trần Thị H nhờ bà NLQ1 giao tiền cho bà Trần Thị Ngọc H. Hiện nay bà Trần Thị H đã có chồng và về bên nhà chồng ở tại xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Bà Trần Thị H và chồng là ông NLQ2, con bà Trần Thị H là NLQ3 không ở tại căn nhà số nhà 111A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Trần Thị L: Thống nhất với phần trình bày của ông Trần Văn P. Nếu đối với vụ việc này mà được chia tài sản thì tôi đề nghị được nhận. Bà Trần Thị L biết việc ông Trần Văn C để lại nhà và đất cho ông Trần Văn P nhưng không ý kiến gì.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Bà NLQ1 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông Trần Văn P. Nếu đối với vụ việc này mà được chia tài sản thì bà đề nghị được nhận. Đối với

yêu cầu độc lập thì giữ nguyên. Yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn trả số tiền 84.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà Trần Thị H cho bà Trần Thị Ngọc H mượn thì bà NLQ1 là người giao tiền cho bà Trần Thị Ngọc H nhưng không làm biên nhận vì là chị em trong nhà.

Ông NLQ7 trình bày: ông là con ruột của ông Trần Văn C và bà Lâm Thị M. Đối với phần tài sản tranh chấp giữa bà Trần Thị Ngọc H với ông Trần Văn P thì ông có nghe những người trong gia đình nói lại việc bà Trần Thị Ngọc H đã đứng tên quyền sỡ hữu nhưng tài sản chưa chia. Nếu có phân chia di sản của bà Trần Thị T thì ông yêu cầu được nhận.

Bà NLQ8, bà NLQ9 thống nhất trình bày: Việc nguyên đơn và bị đơn trình bày về quan hệ huyết thống, về con chung và con riêng của ông Trần Văn C và bà Trần Thị T là đúng. Bà Trần Thị T mất năm 1989, không để lại di chúc. Vào năm 2002, các con riêng của bà Trần Thị T khởi kiện tại UBND phường X để yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T, đến năm 2004 thì các đương sự thống nhất thỏa thuận di sản tranh chấp. Việc thống nhất thỏa thuận của các đương sự giống như lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc H. Bà NLQ8, bà NLQ9, ông NLQ11, bà NLQ10, bà NLQ12 có nhận từ bà Trần Thị Ngọc H mỗi người số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và sau đó từ chối không yêu cầu nhận di sản của bà Trần Thị T để lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thì không có ý kiến vì bà NLQ8, bà NLQ9, bà NLQ10, bà NLQ12và ông NLQ11 đã nhận phần di sản của bà Trần Thị T để lại.

NLQ13 trình bày: Vào ngày 19/4/2005, thì bà Trần Thị Ngọc H, bà NLQ1, ông Trần Văn P có đến Phòng công chứng NLQ13 làm hợp đồng tặng cho phần nhà đất tại số 111A đường Q, phường X, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Tại thời điểm công chứng thì Công chứng viên có xác minh ở phường tài sản có tranh chấp hay không, không bị giới hạn hay hạn chế nào nên Công chứng viên mới thực hiện hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật và đến nay thì phía bà Trần Thị Ngọc H đã được sang tên nên việc phía bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho thì không đồng ý.

Vụ kiện được Tòa án nhân dân quận N hành hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân quận N đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

Buộc ông Trần Văn P, bà Trần Thị L, bà NLQ1, NLQ5, Trần Ngọc Ngân, NLQ4 di dời trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H nhà và đất tại số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, thửa đất số 47 tờ bản đồ số 28, diện tích 50,32m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366.QSDĐ do Ủy ban nhân dân dân quận N cấp ngày 22/7/2005 cho bà Trần Thị Ngọc H. Ông Trần Văn P, bà Trần Thị L, bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ6 được quyền lưu cư trong thời gian 06 tháng tính từ ngày 22/5/2017.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1. Buộc bà Trần Thị Ngọc H trả cho bà NLQ1 số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng). Kể từ khi bà NLQ1 có yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Ngọc H chậm trả thì phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tính trên số tiền và thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P, bà Trần Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P yêu cầu hủy hợp đồng ngày 19 tháng 4 năm 2005 về việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Trần Văn P, bà NLQ1 với bà Trần Thị Ngọc H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H trả số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà Trần Thị Ngọc H cho ông Trần Văn P, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá tài sản và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/6/2017, các bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thị H đồng kháng cáo bản án sơ thẩm; Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai đương sự kháng cáo giữ nguyên yêu cầu là chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T và hủy hợp đồng tặng cho tài sản của ông Trần Văn P, bà NLQ1 cho bà Trần Thị Ngọc H tại Phòng công chứng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn Trần Văn P và Trần Thị H. Do kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra lại chứng cứ này tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là loại kiện tranh chấp "Đòi lại tài sản". Cụ thể tại căn nhà đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Quan hệ này được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luaath tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Trường hợp "Đòi lại tài sản" nên không áp dụng thời hiệu được quy định tại Điều 155 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giá trị tài sản đang tranh chấp là căn nhà và đất nêu trên được định theo giá thị trường là 2.501.000.000 đồng.

[3]. Sau khi hòa giải không thành, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P, bà Trần Thị H.

Không đồng ý với án sơ thẩm, ông Trần Văn P, bà Trần Thị H kháng cáo yêu cầu cáp phúc thẩm chấp nhận chia dia sản thừa kế của bà Trần Thị T và hủy hợp đồng tặng cho tài sản là căn nhà và đất tại số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

[4]. Xét kháng cáo của ông Trần Văn P, bà Trần Thị H thấy rằng:

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T nhưng các đương sự bà Trần Thị H, ông Trần Văn P không chứng minh các đương sự là con đẻ, con nuôi của bà Trần Thị T hơn nữa nguyên đơn không đồng ý chia di sản của bà Trần Thị T nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

- Về tài sản tại số 111A nêu trên, khi ông Trần Văn P được quyền sở hữu từ di chúc của ông Trần Văn C (cha ông Trần Văn P) sau đó ngày 19.4.2005 ông Trần Văn P, bà NLQ1 đem tài sản của mình tặng cho bà Trần Thị Ngọc H, các thừa kế khác không ai phản ứng, ông Trần Văn P bà NLQ1 cũng không bị lừa dối hay ép buộc. Đây là sự tự nguyện định đoạt không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc H có toàn quyền về tài sản tại số 111A nêu trên nên bà Trần Thị Ngọc H đòi lại tài sản này là có căn cứ và việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản là căn nhà và đất nêu trên tại Văn phòng công chứng NLQ13 là không có cơ sở. Lý do ông Trần Văn P khi đến phòng công chứng tặng cho tài sản cho bà Trần Thị Ngọc H là tự nguyện, không có ai ép buộc nhưng ông cho rằng có thỏa thuận bằng lời nói với bà Trần Thị Ngọc H

sau này bán nhà sẽ chia cho anh chị em nhưng bà Trần Thị Ngọc H không thừa nhận, ông Trần Văn P không có căn cứ chứng minh vì vậy một lần nữa không có căn cứ để hủy hợp đồng tặng cho tài sản là căn nhà và đất tại số 111A nêu trên.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không ai kháng cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc không xem xét lại. Tuy nhiên về lãi suất chậm trả của các đương sự tuy không ai kháng cáo nhưng cấp phúc thẩm có điều chỉnh theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự phải chịu án phí, chi phí đo đạc định giá theo quy định của pháp luật.

Qua phân tích nêu trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5; 26; 35; 92; 184; 271; 273; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117; 155; 166; 463; 466; 650; 651 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.20096 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

- Bác kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thị H.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

1/ Buộc ông Trần Văn P, bà Trần Thị L, bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ6 di dời đi nơi khác trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H nhà và đất tại số 111A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, thể hiện tại thửa đất số 47 tờ bản đồ số 28, diện tích 50,32m^2 và tài sản gắn liền với đất diện tích xây dựng 50,31m^2, diện tích sử dụng 102,48m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366.QSDĐ do Ủy ban nhân dân dân quận N cấp ngày 22.7.2005 cho bà Trần Thị Ngọc H.

2/ Về quyền lưu cư: Ông Trần Văn P, bà Trần Thị L, bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ6 được quyền lưu cư tại căn nhà và đất nêu trên trong thời hạn 06 (sáu) tháng, thời gian lưu cư tính từ ngày 22.5.2017.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1. Buộc bà Trần Thị Ngọc H trả cho bà NLQ1 số tiền 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng). Kể từ ngày bà NLQ1 có yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Ngọc H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P, bà Trần Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T.

5/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P yêu cầu hủy hợp đồng về việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19.4.2005 tại Phòng công chứng NLQ13 giữa ông Trần Văn P, bà NLQ1 với bà Trần Thị Ngọc H.

6/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H trả số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị H.

7/ Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà Trần Thị Ngọc H:

Cho ông Trần Văn P 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Cho bà Trần Thị L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Cho bà Trần Thị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

8/ Về chi phí đo đạc định giá tài sản: Ông Trần Văn P, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L phải chịu 4.300.000 đồng (bốn tiệu ba trăm ngàn đồng). Do ông Trần Văn P đã tạm ứng trước số tiền này nên:

+ Bà Trần Thị H phải đóng 1.433.000đ.

+ Bà Trần Thị L phải đóng 1.433.000đ.

Hai khoản tiền trên của bà Trần Thị H, bà Trần Thị L sẽ được trả lại cho ông Trần Văn P trong quá trình thi hành án.

Do ông Trần Văn P đã ứng trước, nên khoản tiền 1.433.000đ ông Trần Văn P phải chịu xem như ông Trần Văn P đã đóng xong.

9/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn P chịu 5.200.000 đ (năm triệu hai trăm ngàn đồng). Chuyển số tiền 1.450.000 đồng tạm ứng án phí phản tố của ông Trần Văn P nộp theo biên lai thu số 003484 ngày 18.6.2015 thành án phí, ông Trần Văn P phải

nộp thêm số tiền án phí còn thiếu là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Bà Trần Thị H chịu 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm ngàn đồng). Chuyển số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí phản tố của bà Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 000935 ngày 07.10.2013 thành án phí, bà Trần Thị H phải nộp thêm số tiền án phí còn thiếu là 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

+ Bà Trần Thị L chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí.

+ Bà Trần Thị Ngọc H chịu 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 13.000.000đ bà Trần Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số 000557 ngày 05.7.2013 nên bà Trần Thị Ngọc H được nhận lại 8.800.000đ (tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Bà NLQ1 được nhận lại 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000936 ngày 07.10.2013.

10/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn P mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí của ông Trần Văn P 300.000đ theo biên lai thu số 003927 ngày 05.6.2017 và chuyển tạm ứng án phí của bà Trần Thị H 300.000đ theo biên lai thu số 003928 ngày 05.6.2017 thành án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự nhận tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Hùng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND.TP. Cần Thơ;
- TA.ND.Q.N;
- THADS.Q.N;
- Lưu.